

**GIẤY ĐỀ NGHỊ PHÁT HÀNH THẺ TÍN DỤNG VÀ
ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ****VPBANK CREDIT CARD APPLICATION AND REGISTRATION FOR EBANKING FORM**
(Dành cho Khách hàng cá nhân/ For individual)Số/No Ngày/Date ☐ **Thẻ tín dụng tín chấp/Unsecured Credit Card**☐ **Thẻ tín dụng thế chấp/Secured Credit Card**

Vui lòng điền đầy đủ thông tin vào tất cả các mục để chúng tôi phục vụ Quý khách tốt nhất. Các mục đánh dấu * là thông tin bắt buộc./ Please complete all fields below. Fields marked with * are mandatory.

Kính gửi/ To:

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)/ Vietnam Prosperity Commercial Bank (VPBank)Chi nhánh/Phòng Giao dịch/ Branch/Transaction Office Địa chỉ/ Address

Đề nghị VPBank phát hành Thẻ tín dụng theo thông tin sau/ Kindly request VPBank to issue credit card with following information:

**LOẠI THẺ TÍN DỤNG QUỐC TẾ VPBANK QUÝ KHÁCH MUỐN ĐĂNG KÝ/
PLEASE CHOOSE THE CREDIT CARD TYPE THAT YOU WOULD LIKE TO APPLY ***☐ VPBank MasterCard MC2/ Màu cam/Orange☐ VPBank MasterCard Platinum☐ VPBank MasterCard MC2/ Màu tím/ Graph☐ Vietnam Airlines - VPBankMasterCard Platinum☐ VPLady Titanium MasterCard☐ Thẻ khác/Other☐ StepUp Titanium MasterCard**Số thẻ hội viên GLP/ GLP Member No.**

Trong trường hợp Quý khách không được cấp loại Thẻ như yêu cầu, Ngân hàng sẽ cấp cho Quý khách một Thẻ khác nếu Quý khách đủ tiêu chuẩn./ If you are not offered the requested card type, VPBank will issue you another card type if you are qualified.

Hạn mức đề nghị (VNĐ) / Credit limit requested (VNĐ) *

Hạn mức này có thể thay đổi theo quyết định của VPBank. Thời hạn hạn mức, lãi suất: Theo quy định của VPBank/ The credit limit will be decided by VPBank. Tenor of limits, interest follow VPBank's regulations

Địa chỉ nhận Thẻ và PIN/ Please send my card and card PIN to *☐ Địa chỉ nơi ở hiện tại/ Current residential address☐ Địa chỉ công ty/ Company address☐ Tại VPBank Chi nhánh/ VPBank Branch

Để bảo vệ môi trường, Sao kê Thẻ tín dụng hàng tháng sẽ được gửi qua email cho Quý khách./ In order to protect environment, Credit Card statement will be sent only via Email

I. THÔNG TIN VÀ ĐĂNG KÝ CỦA KHÁCH HÀNG/ INFORMATION AND REGISTRATION OF CUSTOMER *

1. Thông tin Chủ thẻ chính/ Primary applicant's personal information

Họ và tên/ Full name *

Giới tính/ Gender * ☐ Nam/ Male ☐ Nữ/ Female

Tên in trên thẻ (Phải tương tự như CMND/ Hộ chiếu/ Thẻ căn cước công dân không quá 19 ký tự kể cả khoảng trắng)/ Name to be printed on Card (Must be in the same with ID Card/ Citizen ID/ Passport, maximum 19 characters including spaces) *

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Ngày sinh/ Date of Birth * Nơi sinh/ Place of birth *

Quốc tịch/ Nationality *

Quý khách vui lòng liệt kê tất cả các Quốc tịch của mình/ Please state all your nationalities

Số CMND/ Thẻ căn cước công dân/ Hộ chiếu/ ID Card/ Citizen ID/ Passport number *

Ngày cấp/ Date of issue Nơi cấp/ Issued by.

Số CMND/ Thẻ căn cước công dân/ Hộ chiếu khác (nếu có)/ Other ID Card/ Citizen ID/ Passport number (If any) *

Ngày cấp/ Date of issue Nơi cấp/ Issued by.

Địa chỉ thường trú/ Permanent Address *

Số nhà/No. Đường/ Street

Phường/Xã/ Ward Quận/Huyện/ Town

Tỉnh/Thành phố/ Province/City Quốc gia/ Country

Địa chỉ hiện tại (nếu khác địa chỉ thường trú)/ Current Residential Address (if different from above) *

Số nhà/No. Đường/ Street

Phường/Xã/ Ward Quận/Huyện/ Town

Tỉnh/Thành phố/ Province/City Quốc gia/ Country

Thời gian ở địa chỉ cư trú hiện tại/ Time at current Residential address *

Năm/Year Tháng/ Month

Điện thoại nhà/ Home phone Điện thoại di động/ Mobile phone *

Email *

Câu hỏi bảo mật (Họ và tên mẹ của Chủ thẻ/ Tên trường tiểu học của Chủ thẻ)/ Security question: Name of your Mother/ First school *

Mã bảo mật (Tối thiểu 4 ký tự số, không sử dụng ký tự chữ)/ Security code * (At least 4 digits, please do not use letter) *

Lưu ý: Để kích hoạt Thẻ tín dụng, nếu Quý khách lựa chọn trường thông tin "Mã bảo mật", Quý khách sẽ kích hoạt Thẻ bằng hình thức gọi điện thoại lên hệ thống Phone Banking của VPBank hoặc gọi điện lên tổng đài CSKH 24/7. Nếu Quý khách lựa chọn trường thông tin "Câu hỏi bảo mật", Quý

khách sẽ kích hoạt Thẻ bằng hình thức gọi điện thoại lên tổng đài CSKH 24/7./ Note: To activate card, if you choose the field of "Security code", you will activate the card by calling up Phone Banking system of VPBank or calling up our customer care 24/7. If you choose the field of "Security question", you will activate the card by calling up our customer care 24/7.

Thị thực nhập cảnh (dành cho người nước ngoài)/ Visa number (for foreigners) *

Thị thực nhập cảnh (dành cho người nước ngoài)/ Visa number (for foreigners) *

Ngày cấp/ Date of issue | | Ngày hết hạn/ Exp. date | |

Địa chỉ nơi đăng ký cư trú ở nước ngoài (dành cho người nước ngoài). Vui lòng liệt kê toàn bộ địa chỉ tại quốc gia mang quốc tịch/ Home country permanent addresses (for foreigners). Please list all of your home country permanent addresses *

Trình độ học vấn/ Education level *

- | | | |
|---|--|--|
| ☐ Tiểu học/ Primary school | ☐ THCS/ Secondary school | ☐ THPT/ High school |
| ☐ Chứng chỉ nghề/ Trung cấp/ Vocational certificates/Intermediate | ☐ Cao đẳng/ College | |
| ☐ Đại học/ Degree | ☐ Sau đại học/ Master & above | |
| ☐ Mù chữ/ Không bằng cấp/ Không có thông tin/ Illiterate/No qualification/No information | | |

Hình thức sở hữu nhà/ House ownership type *

- | | |
|--|---|
| ☐ Nhà riêng/ Owned | ☐ Nhà bố mẹ/ Parents's |
| ☐ Nhà thuê/ Rented | ☐ Mua trả góp/ Mortgage |
| ☐ Nhà công ty/ Employer's | ☐ Khác (xin ghi rõ)/ Others (please specify) |

Tình trạng hôn nhân/ Marital status *

- | | |
|--|---|
| ☐ Độc thân/ Single | ☐ Ly hôn/ Divorced |
| ☐ Đã kết hôn/ Married | ☐ Khác (xin ghi rõ)/ Others (please specify) |

Số người phụ thuộc/ No. of Dependants | | Số con/ No. of Children

Thông tin bổ sung theo FATCA/ Additional information under FATCA *

Quý Khách có thẻ xanh (Green Card) do chính phủ Hoa Kỳ cấp không?/ Do you have Green Card issued by U.S Government? ☐ Có/Yes ☐ Không/No

Quý Khách có phải là cá nhân lưu trú tại Hoa Kỳ¹ không?/ Are you a resident in the U.S¹? ☐ Có/Yes ☐ Không/No

Quý khách có hướng dẫn chuyển tiền thường xuyên nào tới một tài khoản được duy trì tại Hoa Kỳ hoặc hướng dẫn nhận tiền thường xuyên từ một địa chỉ tại Hoa Kỳ không?² */ Do you regularly provide instructions to transfer funds to U.S. accounts or regularly receive funds from a U.S² address? ☐ Có/Yes ☐ Không/No

Quý khách có địa chỉ tại Hoa Kỳ (bao gồm cả địa chỉ hộp thư P.O.box) hay số điện thoại Hoa Kỳ không? */ Do you have the address (including P.O.box address) or phone number in U.S? ☐ Có/Yes ☐ Không/No

Quý khách có ủy quyền cho người có địa chỉ tại Hoa Kỳ không? ^{*}/ Do you currently have an effective power of attorney to a person with a U.S address?

☐ Có/Yes ☐ Không/No

Quý khách có địa chỉ “gửi qua” hoặc “giữ thư” là địa chỉ duy nhất tại Hoa Kỳ hay không? ^{*}/ Do you have a U.S “in care of” or “hold mail” address that is the sole address with respect to Account holder³?

☐ Có/Yes ☐ Không/No

¹ Cá nhân lưu trú tại Hoa Kỳ ở đây được hiểu là cá nhân lưu trú tại Hoa Kỳ (i) ít nhất 31 ngày trong năm hiện tại và (ii) 183 ngày trong giai đoạn 3 năm, bao gồm năm hiện tại và 2 năm liền kề trước đó (số ngày năm hiện tại + 13 số ngày của năm liền trước + 16 số ngày của 2 năm trước năm hiện tại)./ U.S resident here is a resident who has been physically present in the U.S for (i) at least 31 days during current year (ii) equal or exceed 183 days over a three-calendar-year period including the current year and the 2 years immediately before (All days of physical presence during current year + 13 of the days of the last year + 16 of the days of the 2 years ago)

² Các hướng dẫn chuyển tiền và nhận tiền ở đây được hiểu là các hướng dẫn chuyển tiền nhận tiền thường xuyên áp dụng cho thời điểm hiện tại được cung cấp bởi chủ tài khoản, hoặc một người đại diện của chủ tài khoản, sẽ lặp lại mà không cần hướng dẫn nào thêm bởi chủ tài khoản./ Instructions to transfer or receive funds from U.S accounts mean regular instructions which are provided by Account Holder, or assignee of Account Holder to transfer or receive money applicable to current time and will repeat without any additional instruction by Account Holder

³ Địa chỉ “gửi qua” hay địa chỉ “giữ thư” được hiểu là yêu cầu Buu điện Hoa Kỳ giữ thư cho một địa chỉ xác định thay vì giao thư cho người nhận. Ngoài ra, chủ tài khoản người được ủy quyền không có địa chỉ cư trú hoặc địa chỉ gửi thư nào khác./ Account Holder request U.S Postal service to hold their mail for a specific address rather than deliver recipient. Besides, Account holder/Assignee do not have an another address

2. Thông tin nghề nghiệp/ Occupation

Tình trạng làm việc/ Employment status ^{*}

☐ Toàn thời gian/ Full time ☐ Bán thời gian/ Part - time ☐ Chủ doanh nghiệp/ Self employed
☐ Nghỉ hưu/ Retired ☐ Khác (xin ghi rõ)/ Others (please specify)

Loại hình hoạt động của công ty/ Company type ^{*}

☐ Cơ quan Đảng, Nhà nước/ The State-run bodies
☐ Khối đoàn thể/ Corporation
☐ Tập đoàn/tổng công ty nhà nước/ State owned Group/Corporations
☐ Ngân hàng/ Bank
☐ Tổ chức tín dụng phi ngân hàng/ Non-bank credit organizations
☐ Tập đoàn đa quốc gia nước ngoài/ Foreign multinational corporations
☐ Tổ chức phi chính phủ nước ngoài/ Foreign Non-governmental organizations
☐ Công ty có vốn điều lệ 1-100 tỷ đồng/ The company has chartered capital of 1-100 billion
☐ Công ty có vốn điều lệ tối thiểu 100 tỷ đồng/ The company has a minimum char-ter capital of 100 billion
☐ Công ty có vốn điều lệ <1 tỷ đồng/ The company has chartered capital of less than 1 billion
☐ Lực lượng vũ trang/ Armed Forces
☐ Tư nhân, hộ kinh doanh cá thể/ Private, household business compay
☐ Bệnh viện, trường học, viện nghiên cứu, cơ quan báo chí, văn phòng luật sư/ Hospitals, Schools, Research institutes, News agencies, Law office

Tên công ty/ Name of company *

Địa chỉ công ty/ Company address *

Số nhà/No. Đường/ Street

Phường/Xã/ Ward Quận/Huyện/ Town

Tỉnh/Thành phố/ Province/City Quốc gia/ Country

Điện thoại công ty/ Office phone *

Chức vụ hiện tại/ Current Position *

Thời gian làm việc/ Length of Current Employment *

Năm/Year Tháng/Month

Loại hợp đồng/ Type of Contract * ☐ Có thời hạn/ Definite Tháng/Month

☐ Không thời hạn/ Indefinite

Thâm niên công tác từ khi bắt đầu đi làm/ Total Work Experience *

Năm/Year Tháng/Month

Nếu thời gian làm việc ở công ty hiện tại ít hơn 1 năm/ If you have worked for less than 1 year in the current company

Tên công ty trước đây/ Name of previous company *

Địa chỉ công ty trước đây/ Previous Company address *

Số nhà/No. Đường/ Street

Phường/Xã/ Ward Quận/Huyện/ Town

Tỉnh/Thành phố/ Province/City Quốc gia/ Country

Điện thoại công ty/ Office phone *

Chức vụ trước đây/ Previous Position *

Thời gian làm việc/ Length of Current Employment *

Năm/Year Tháng/Month

3. Thông tin người liên lạc/ Reference detail

3. 1. Họ và tên/ Full Name *

Quan hệ/ Relationship * Địa chỉ email/ Email address *

Điện thoại di động/ Mobile phone * Điện thoại nhà/ Home phone

3. 2. Họ và tên/ Full Name *

Quan hệ/ Relationship * Địa chỉ email/ Email address *

Điện thoại di động/ Mobile phone * Điện thoại nhà/ Home phone

4. Thông tin gia đình (vợ, chồng nếu có)/ Spouse detail (if any)

Họ và tên/ Full Name *

Giới tính/ Gender * ☐ Nam/ Male ☐ Nữ/ Female

Số CMND/ Thẻ căn cước công dân/ Hộ chiếu/ ID Card/ Citizen ID/Passport number *

Điện thoại di động/ Mobile phone * Email

Thu nhập hàng năm/ Annual income

5. Thông tin tài chính/ Income and financial detail

Thu nhập hàng tháng (VNĐ)/ Monthly Income Details (VND) *

Thu nhập hàng tháng (VNĐ)/ Monthly basic salary (VND) *

Tiền thưởng, phụ cấp hàng tháng (VNĐ)/ Monthly bonus/Incentive/ Allowances (VND) *

Các khoản thu nhập khác (VNĐ)/ Other incomes *

Tổng cộng (VNĐ)/ Total (VND) *

Mô tả thu nhập khác/ Description of other income *

Tổng số tiền trả nợ hàng tháng của Quý khách/ Total monthly dept payments of customers *

Tổng giá trị tài sản tích lũy (bao gồm động sản và bất động sản có thể chứng minh quyền sở hữu hợp pháp của Quý khách)/ Total cumulative value of assets (including movables and real estate that customer can prove legal ownership of the loan) *

Quý khách hiện đang sử dụng sản phẩm dịch vụ nào của VPBank trong vòng 36 tháng gần đây?/ Do you use the services of VP within the past 36 months recently? *

☐ Có gửi tiết kiệm/ Saving ☐ Có vay vốn/ Loan ☐ Có gửi tiết kiệm và vay vốn/ Saving and loan

☐ Có sử dụng sản phẩm khác/ Other services ☐ Không sử dụng dịch vụ nào/ Not any

Thông tin các khoản vay tại Ngân hàng khác * ☐ Không có/ No ☐ Có/ Yes

Thông tin các thẻ tín dụng tại Ngân hàng khác * ☐ Không có/ No ☐ Có/ Yes

6. Thông tin tài sản đảm bảo (nếu có)/ Collaterals detail (if any)

☐ Tiền gửi tiết kiệm/ Term deposit

Sổ thẻ/Sổ tài khoản tiền gửi tiết kiệm online/ Saving Book No/Online term deposit account no.

Số tiền gửi/ Amount Loại tiền gửi/ Currency

Tại Ngân hàng/ Issuing Bank

Kỳ hạn gửi/ Tenor Ngày đến hạn/ Due date

☐ Tài sản đảm bảo khác (xin ghi rõ)/ Other Collaterals (please specify)

7. Đăng ký thanh toán tự động/ Direct debit authorisation

Vui lòng thanh toán tự động các khoản nợ trên thẻ tín dụng của Tôi bằng cách ghi nợ tài khoản của Tôi tại VPBank vào ngày đáo hạn mỗi tháng/ Please debit my VPBank account on the monthly due date in settlement of my credit card account

Số tài khoản/ VPBank Account No. *

Tỷ lệ thanh toán/ My repayment amount is *

☐ Thanh toán tối thiểu/ Minimum payment

☐ Thanh toán toàn bộ/ Full payment

8. Đăng ký sử dụng Thẻ trên Internet/ Online payment registration

Đề nghị Ngân hàng kích hoạt chức năng sử dụng Thẻ (gồm Thẻ chính và thẻ phụ) trên Internet ngay khi Thẻ được kích hoạt thành công./ Kindly request VPBank activate Online payment function (both primary card and supplementary card) at the time of card activated successfully.

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi rủi ro (nếu có phát sinh) liên quan đến các giao dịch thực hiện bằng Thẻ qua Internet./ I hereby are fully responsible for all risks related to online payment (if any).

9. Đăng ký VPBank SMS và dịch vụ VPBank Online/ VPBank SMS & VPBank Online registration
Bằng việc ký Giấy Đề nghị này, Quý khách đồng ý đăng ký sử dụng Dịch vụ VPBank Online và Dịch vụ VPBank SMS với thông tin đăng ký dưới đây. Số điện thoại, email được đăng ký tại Mục 1 Giấy Đề nghị này là số điện thoại, email mặc định được sử dụng cho các giao dịch Ngân hàng điện tử của Chủ thẻ/ I agree to use VPBank Online service and VPBank SMS with the following information.
Registered phone number and email address under Section 1 are my default phone number and email address for using Digital banking service.

VPBank SMS

- ☐ Dịch vụ văn tin/ Inquiry
☐ Dịch vụ thanh toán (bao gồm: nạp tiền điện thoại, thanh toán đơn...)/ Payment (including: Topup, Bill payment ect) ...)

VPBank Online

- ☐ Gói truy vấn/ Inquiry ☐ Gói tiêu chuẩn/ Standard ☐ Gói cao cấp/ Premier

Tên truy cập (tối đa 20 ký tự)/ Username (max 20 characters)

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Phương thức nhận mã OTP mặc định qua/ OTP receiving method by default

- ☐ Email / Via email ☐ Điện thoại di động/ Via mobile phone

10. Đăng ký Thẻ phụ/ Supplementary applicant

Họ và tên/ Full Name *

Giới tính/ Gender * ☐ Nam/ Male ☐ Nữ/ Female

Tên in trên thẻ (Phải tương tự như CMND/ Hộ chiếu/ Thẻ căn cước công dân không quá 19 ký tự kể cả khoảng trắng)/ Name to be printed on Card (Must be in the same with ID Card/Citizen ID/Passport, maximum 19 characters including spaces) *

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Ngày sinh/ Date of Birth * **Nơi sinh/ Place of Birth ***

Quốc tịch/ Nationality *

Quý khách vui lòng liệt kê tất cả các Quốc tịch của mình/ Please state all your nationalities

Nghề nghiệp/ Occupation * **Chức vụ/ Position ***

Số CMND/ Thẻ căn cước công dân/ Hộ chiếu khác (nếu có)/ Other ID Card/ Citizen ID/Passport number (If any) *

Ngày cấp/ Date of issue **Nơi cấp/ Issued by.**

Thị thực nhập cảnh (dành cho người nước ngoài)/ Visa number (for foreigners) *

Ngày cấp/ Date of issue **Ngày hết hạn/ Exp. date**

Quan hệ với chủ thẻ chính/ Relationship with Primary Applicant

Địa chỉ thường trú/ Permanent Address *

Số nhà/No. **Đường/ Street**

Phường/Xã/ Ward **Quận/Huyện/ Town**

Tỉnh/Thành phố/ Province/City **Quốc gia/ Country**

Địa chỉ hiện tại (nếu khác địa chỉ thường trú)/ *Current Residential Address (if different from above)* *

Số nhà/No. Đường/ Street
Phường/Xã/ Ward Quận/Huyện/ Town
Tỉnh/Thành phố/ Province/City Quốc gia/ Country

Địa chỉ nơi đăng ký cư trú ở nước ngoài (dành cho người nước ngoài)/ *Home country permanent addresses (for foreigners)* *

Điện thoại nhà/ Home phone **Điện thoại di động/ Mobile phone** *

Email *

Câu hỏi bảo mật (Họ và tên mẹ của Chủ thẻ/Tên trường tiểu học của Chủ thẻ)/ *Security question: Name of your Mother/First school* *

Mã bảo mật (Tối thiểu 4 ký tự số, không sử dụng ký tự chữ)/ *Security code (At least 4 digits, please do not use letter)* *

Lưu ý: Để kích hoạt Thẻ tín dụng, nếu Quý khách lựa chọn trường thông tin “Mã bảo mật”, Quý khách sẽ kích hoạt Thẻ bằng hình thức gọi điện thoại lên hệ thống Phone Banking của VPBank hoặc gọi điện lên tổng đài CSKH 24/7. Nếu Quý khách lựa chọn trường thông tin “Câu hỏi bảo mật”, Quý khách sẽ kích hoạt Thẻ bằng hình thức gọi điện thoại lên tổng đài CSKH 24/7./ *Note: To activate card, if you choose the field of “Security code”, you will activate the card by calling up Phone Banking system of VPBank or calling up our customer care 24/7. If you choose the field of “Security question”, you will activate the card by calling up our customer care 24/7.*

Hạn mức tín dụng đề nghị cho Thẻ phụ/ Proposed credit limit for Supplementary Applicant *

Thông tin bổ sung theo FATCA/ Additional information under FATCA *

Quý Khách có thẻ xanh (Green Card) do chính phủ Hoa Kỳ cấp không?/ *Do you have Green Card issued by U.S Government?*

☐ Có/Yes ☐ Không/No

Quý Khách có phải là cá nhân lưu trú tại Hoa Kỳ¹ không?/ *Are you a resident in the U.S¹?*

☐ Có/Yes ☐ Không/No

Quý khách có hướng dẫn chuyển tiền thường xuyên nào tới một tài khoản được duy trì tại Hoa Kỳ hoặc hướng dẫn nhận tiền thường xuyên từ một địa chỉ tại Hoa Kỳ không?² */ *Do you regularly provide instructions to transfer funds to U.S. accounts or regularly receive funds from a U.S² address?*

☐ Có/Yes ☐ Không/No

Quý khách có địa chỉ tại Hoa Kỳ (bao gồm cả địa chỉ hộp thư P.O.box) hay số điện thoại Hoa Kỳ không? */ *Do you have the address (including PO Box address) or phone number in U.S?*

☐ Có/Yes ☐ Không/No

Quý khách có ủy quyền cho người có địa chỉ tại Hoa Kỳ không? */ *Do you currently have an effective power of attorney to a person with a U.S address?*

☐ Có/Yes ☐ Không/No

Quý khách có địa chỉ “gửi qua” hoặc “giữ thư” là địa chỉ duy nhất tại Hoa Kỳ hay không?³ */ *Do you have a U.S “in care of” or “hold mail” address that is the sole address with respect to Account holder³?*

☐ Có/Yes ☐ Không/No

¹ Cá nhân lưu trú tại Hoa Kỳ ở đây được hiểu là cá nhân lưu trú tại Hoa Kỳ (i) ít nhất 31 ngày trong năm hiện tại và (ii) 183 ngày trong giai đoạn 3 năm, bao gồm năm hiện tại và 2 năm liền kề trước đó (số ngày năm hiện tại + 13 số ngày của năm liền trước + 16 số ngày của 2 năm trước năm hiện tại). / U.S resident here is a resident who has been physically present in the U.S for (i) at least 31 days during current year (ii) equal or exceed 183 days over a three-calendar-year period including the current year and the 2 years immediately before (All days of physical presence during current year + 13 of the days of the last year + 16 of the days of the 2 years ago)

² Các hướng dẫn chuyển tiền và nhận tiền ở đây được hiểu là các hướng dẫn chuyển tiền nhận tiền thường xuyên áp dụng cho thời điểm hiện tại được cung cấp bởi chủ tài khoản, hoặc một người đại diện của chủ tài khoản, sẽ lặp lại mà không cần hướng dẫn nào thêm bởi chủ tài khoản. / Instructions to transfer or receive funds from U.S accounts mean regular instructions which are provided by Account Holder, or assignee of Account Holder to transfer or receive money applicable to current time and will repeat without any additional instruction by Account Holder

³ Địa chỉ "gửi qua" hay địa chỉ "giữ thư" được hiểu là yêu cầu Bưu điện Hoa Kỳ giữ thư cho một địa chỉ xác định thay vì giao thư cho người nhận. Ngoài ra, chủ tài khoản người được ủy quyền không có địa chỉ cư trú hoặc địa chỉ gửi thư nào khác. / Account Holder request U.S Postal service to hold their mail for a specific address rather than deliver recipient. Besides, Account holder/Assignee do not have an another address

11. Xác nhận và chữ ký mẫu của Chủ thẻ/ Declaration and signature of applicant

a. Tôi/Chúng tôi xác nhận rằng các thông tin nêu trên là chính xác, cập nhật và đầy đủ. Tôi/Chúng tôi đồng ý để Ngân hàng xác thực các thông tin nêu trên từ bất kỳ nguồn thông tin nào mà Ngân hàng có được.

b. Tôi/Chúng tôi hiểu rằng, một tuyên bố sai hoặc che giấu về tình trạng thuế của cá nhân Hoa Kỳ có thể dẫn đến các chế tài theo pháp luật thuế của Hoa Kỳ, bao gồm cả FATCA.

c. Chữ ký mẫu của Tôi/Chúng tôi ở dưới đây sẽ là chữ ký mà Tôi/Chúng tôi sử dụng trên các chứng từ giao dịch được thực hiện trực tiếp tại Trụ sở Ngân hàng. Trong trường hợp chữ ký của Tôi/Chúng tôi theo Giấy đề nghị này khác với chữ ký đã đăng ký trước đó tại VPBank thì chữ ký của Tôi/Chúng tôi tại Giấy đề nghị này sẽ là chữ ký có hiệu lực và được sử dụng để thay thế cho các mẫu chữ ký khác đã đăng ký tại VPBank (nếu có) trên tất cả các chứng từ giao dịch Tôi/Chúng tôi thực hiện trực tiếp tại Trụ sở Ngân hàng.

d. Trường hợp Tôi/Chúng tôi đăng ký nhận thẻ, pin qua đường bưu điện/chuyển phát nhanh, Tôi/Chúng tôi đồng ý và xác nhận rằng VPBank được coi là đã hoàn thành việc giao nhận thẻ, pin cho Tôi/Chúng tôi khi thẻ, pin đã được giao tới địa chỉ mà Tôi/Chúng tôi đã đăng ký với VPBank. Tôi/Chúng tôi cam kết chịu mọi rủi ro phát sinh do việc thẻ, pin bị thất lạc, bị lợi dụng và/hoặc các rủi ro do việc tôi không trực tiếp ký nhận hoặc người khác giả mạo tôi ký nhận thẻ, pin.

e. Tôi/Chúng tôi hiểu rằng Ngân hàng có toàn quyền sửa đổi bất kỳ điều khoản và điều kiện nào của Bản Điều khoản và Điều kiện về sử dụng Thẻ tín dụng, Dịch vụ ngân hàng điện tử tùy từng thời điểm mà những sửa đổi này sẽ ràng buộc Tôi/Chúng tôi, và Ngân hàng có thể thông báo cho Tôi/Chúng tôi về những thay đổi này theo cách mà Ngân hàng cho là phù hợp.

f. Chủ Thẻ xác nhận rằng các yêu cầu của Chủ Thẻ về hạn mức tín dụng, thời hạn hạn mức, lãi suất và các nội dung khác được nêu tại Giấy Đăng ký này chỉ là đề xuất của Chủ Thẻ để VPBank xem xét. Hạn mức tín dụng, thời hạn hạn mức, lãi suất và các nội dung khác liên quan tới Khoản vay thông qua việc phát hành Thẻ tín dụng sẽ được quyết định sau khi VPBank thẩm định các điều kiện phát hành Thẻ tín dụng của Chủ Thẻ theo quy định của VPBank. Chủ Thẻ đồng ý rằng, nếu nội dung chấp thuận của VPBank khác với nội dung mà Chủ Thẻ đề nghị thì nội dung chấp thuận của VPBank sẽ có giá trị áp dụng và được coi là thỏa thuận chính thức giữa Chủ Thẻ và VPBank. VPBank sẽ thông báo cho Chủ Thẻ về việc Thẻ đã được phê duyệt phát hành thông qua một, một số trong các phương thức sau tùy

theo lựa chọn của VPBank: bằng văn bản, gọi điện thoại, gửi tin nhắn qua điện thoại, email hoặc các phương thức khác do VPBank triển khai từng thời kỳ. Bằng việc kích hoạt Thẻ, Chủ Thẻ xác nhận và đồng ý chịu ràng buộc nghĩa vụ với VPBank theo toàn bộ nội dung tại Giấy Đăng ký này và Bản Điều khoản và điều kiện về sử dụng Thẻ tín dụng, Dịch vụ ngân hàng điện tử của VPBank.

g. Bằng việc ký tên dưới đây, Tôi/Chúng tôi xác nhận đã đọc, hiểu rõ và đồng ý tuân theo các điều kiện và điều khoản tại Bản Điều khoản và Điều kiện về sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử của Ngân hàng, cam kết tuân thủ và chịu sự ràng buộc bởi các quy định của Ngân hàng liên quan tới các chương trình, sản phẩm, ưu đãi... mà Ngân hàng sẽ triển khai. Bản Điều khoản và Điều kiện về sử dụng Thẻ tín dụng, Dịch vụ ngân hàng điện tử được công bố công khai trên website chính thức của VPBank <http://www.vpbank.com.vn>.

a. *I/We confirm that the information given above is correct and complete. I/We agree to let the Bank verify above information from any source that the Bank have.*

b. *I/We understand that any incorrect statement or non-disclosure of tax status of the U.S individual will lead to sanctions under the U.S tax law, which includes FATCA.*

c. *My/Our sample signature as below is my/our one using on transaction documents which are directly conducted at The Bank's office. If my/our signature belonging to this application form is different from pre-registered signature at VPBank, my/our signature belonging to this application form is valid and is used to replace the other pre-registered signatures at VPBank (if any) on my/our all transaction documents which are directly conducted at The Bank's office.*

d. *In case that I/We register to receive Card, pin via post/express, I/We agree and confirm that VPBank is deemed to have completed the delivery of Card, pin for me/us when the Card, pin have been delivered to the address that I/We have registered with VPBank. I/We are committed to bear all risks arising from the delivery registration of card, pin in this manner except for risks arising due to the fault of VP Bank*

e. *I/We understand that the Bank can modify any Terms and Conditions of VPBank Credit Card Usage Agreement on Term & Condition for using Credit card, Ebanking service at any given time with all rights and these modifications will have an influence on me/us. The Bank can notify us the modifications depending on the suitable way that the Bank decide.*

f. *Cardholder acknowledge that cardholder's requirements of credit limit, tenor of limits and other matters referred to in this Registration form is only cardholder's proposal to the Bank to consider. Credit limits, tenor of limits and other content related to a loan through the issuance of credit card will be decided after VPBank's verification of the conditions of issuance for cardholder's credit card following VP Bank's regulations. Cardholder agrees that, if content approved by the Bank is different from the content that cardholder's propose, the approval of VPBank would be effective to apply and be considered as a formal agreement between cardholder and VPBank. VPBank will notify cardholder of approved card to issue through one or some of the following methods depending on the choice of VPBank: documentary, phone calls, sending SMS, email or other methods deployed by VPBank in each period. By activating cards, cardholder acknowledge and agree to be bound by the obligation to follow the entire contents of VPBank in this Application form and The Terms and Conditions for using VPbank's credit cards, ebanking.*

g. *By signing below, I/We confirm that I/We have read, understood clearly and agreed to follow terms and condition at Term & Condition for using Credit card, Ebanking service, bound committed to comply and agreed to be forced by VPBank's regulation regarding to product, service, privileges... that the Bank will deploy. The Terms and Conditions for using credit card, Ebanking service is posted on VPBank's website <http://www.vpbank.com.vn>.*

Xác nhận và Chữ ký mẫu Chủ thẻ chính/ Declaration and signature of Primary applicant

Chữ ký 1/ Signature 1

(Ký, ghi rõ họ tên/ Sign, write your full name)

Chữ ký 2/ Signature 2

(Ký, ghi rõ họ tên/ Sign, write your full name)

Họ và tên/ Full name _____ Ngày/ Date _____

Xác nhận và Chữ ký mẫu Chủ thẻ phụ/ Declaration and signature of Supplementary applicant

Chữ ký 1/ Signature 1

(Ký, ghi rõ họ tên/ Sign, write your full name)

Chữ ký 2/ Signature 2

(Ký, ghi rõ họ tên/ Sign, write your full name)

Họ và tên/ Full name _____ Ngày/ Date _____

Xác nhận đồng ý của người đại diện theo pháp luật của Chủ thẻ phụ/ Declaration of legal representative of supplementary cards

II. PHẦN DÀNH CHO NGÂN HÀNG/BANK USE ONLY

1. Xác nhận của Ngân hàng sau khi kiểm tra tình trạng FATCA của Khách hàng¹/

Confirmation of the Bank after verifying FATCA status of the Customer

Chủ thẻ chính/ Primary Cardholder

- ☐ Có dấu hiệu Hoa Kỳ/ U.S identity
- ☐ Không có dấu hiệu Hoa Kỳ/ Non U.S identity
- ☐ Chống đối có dấu hiệu Hoa Kỳ/ Against with U.S identity
- ☐ Chống đối không có dấu hiệu Hoa Kỳ/ Against with non U.S identity

Chủ thẻ phụ/ Supplementary Cardholder

- ☐ Có dấu hiệu Hoa Kỳ/ U.S identity
- ☐ Không có dấu hiệu Hoa Kỳ/ Non U.S identity
- ☐ Chống đối có dấu hiệu Hoa Kỳ/ Against with U.S identity
- ☐ Chống đối không có dấu hiệu Hoa Kỳ/ Against with non U.S identity

¹ Căn cứ trên thông tin Khách hàng cung cấp tại Phần dành cho Khách hàng/ Based on the informations provided in the section for customer

2. Xác nhận hồ sơ phát hành Thẻ tín dụng/ Confirm the issued document of credit card

Kênh bán hàng/ Sales channel

- ☐ Tại chi nhánh/ Branch
- ☐ Ngân hàng tại Công sở/ Worksite Banking
- ☐ Bán hàng trực tiếp/ Direct Sales
- ☐ Bán hàng qua Điện thoại/ Telephone Sales
- ☐ Khác (ghi rõ)/ Other (specify) _____

Acquisition code _____

Phân loại hồ sơ/ Classification of Document

- ☐ Phê duyệt trước, nhóm/ Pre-approved, belongs to _____
- ☐ Phê duyệt thông thường/ Ordinary Approvement _____
- ☐ Khác (ghi rõ)/ Other (specify) _____

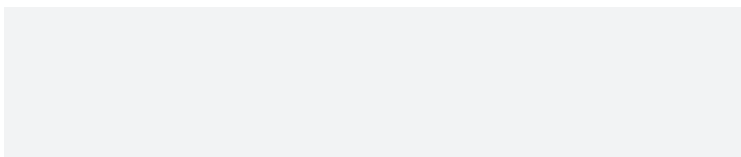
Người giới thiệu/ Referer _____**Đơn vị tiếp nhận/ Receiving unit** _____**Thông tin liên hệ CV bán hàng 1/ PB 1's contact information**

Họ và tên/ Full name _____ Mã nhân viên/ DAO _____

Email _____ ĐTDĐ/ Mobile phone _____

Ngày nhận hồ sơ/ Receiving date _____

Chữ ký / Signature

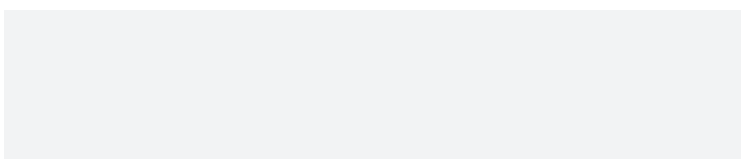
**Thông tin liên hệ CV bán hàng 2/ PB 2's contact information**

Họ và tên/ Full name _____ Mã nhân viên/ DAO _____

Email _____ ĐTDĐ/ Mobile phone _____

Ngày nhận hồ sơ/ Receiving date _____

Chữ ký / Signature

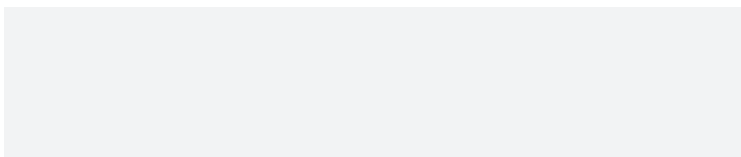
**Kiểm soát bởi Trưởng nhóm bán hàng hoặc Trưởng/phó phòng KHCN hoặc Trưởng đơn vị kinh doanh/ Controlled by Sales Leader or Head/ VH of Retail Banking or Bussiness Unit Manager**

Phê duyệt tại mục này là phê duyệt có điều kiện. Phê duyệt này chỉ có hiệu lực sau khi hồ sơ phát hành Thẻ tín dụng của Khách hàng đã được VPBank thực hiện thẩm định, phê duyệt và đồng ý phát hành Thẻ cho Khách hàng./ Approval at this section is conditional. This approval is valid only after credit card application of customer is evaluated, approved and agreed to issue the card for customer

Họ và tên/ Full name _____

Chức vụ/ Position _____ Ngày/ Date _____

Chữ ký và đóng dấu của ĐVKD/ Signature & stamped by branch

**Kiểm soát và nhập liệu hồ sơ tại Bộ phận Hỗ trợ Vận hành/ Check and fill in at support Operation Department****Mã số đăng ký/ Application Form Code** _____

Họ và tên/ Full name _____

Chức vụ/ Position _____ Ngày/ Date _____

Chữ ký/ Signature

